

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *3188* /BHXH-DVT

*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013*

V/v quản lý, thanh toán chi phí thuốc  
có hàm lượng không phổ biến, thuốc phối  
hợp có giá trúng thầu cao

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng.

Theo thống kê bước đầu từ báo cáo của Bảo hiểm xã hội một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội tỉnh), trong kết quả đấu thầu mua thuốc chữa bệnh năm 2012 - 2013; 2013 - 2014 có một số thuốc cùng hoạt chất, cùng dạng bào chế, cùng đường dùng, cùng phân nhóm kỹ thuật (Theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 19/01/2012 của liên Bộ Y tế - Tài chính hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế) hàm lượng không phổ biến trúng thầu giá cao hơn nhiều so với giá thuốc có hàm lượng phổ biến; thuốc phối hợp có giá cao hơn nhiều lần tổng đơn giá các thuốc đơn thành phần khi quy đổi về cùng một đơn vị hàm lượng (Phụ lục 1 kèm theo). Hệ quả của việc sử dụng thuốc hàm lượng không phổ biến trúng thầu với giá cao làm tăng chi phí quỹ bảo hiểm y tế (BHYT), gây khó khăn cho việc điều trị, sử dụng thuốc của bác sỹ, ảnh hưởng đến quyền lợi của người bệnh.

Để bảo đảm quyền lợi của người tham gia BHYT, quản lý hiệu quả quỹ BHYT, hợp lý trong sử dụng và thanh toán chi phí thuốc BHYT, Bảo hiểm xã hội Việt Nam yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện các nội dung sau:

1. Phối hợp với Sở Y tế, các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn xác định, thống kê danh mục thuốc có hàm lượng không phổ biến trúng thầu giá cao hơn so với giá thuốc có hàm lượng phổ biến; thuốc phối hợp có giá cao hơn nhiều tổng đơn giá các thuốc đơn thành phần khi quy đổi về cùng một đơn vị hàm lượng.

2. Đề nghị các cơ sở khám, chữa bệnh sử dụng các thuốc có chất lượng, giá cả phù hợp với hàm lượng; sử dụng thuốc đơn chất thay thế thuốc phối hợp có giá cao trong khám chữa bệnh và thanh toán BHYT.

3. Đối với cơ sở khám, chữa bệnh đã sử dụng thuốc có hàm lượng không phổ biến, thuốc phối hợp có giá cao, Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Sở Y tế và các cơ sở khám, chữa bệnh thương thảo với nhà thầu điều chỉnh giá phù hợp với mặt bằng chung để làm căn cứ thanh toán chi phí thuốc BHYT.

4. Kiến nghị với Sở Y tế và các cơ sở khám, chữa bệnh nghiêm túc rút kinh nghiệm không xây dựng danh mục thuốc có hàm lượng không phổ biến, kiên quyết đề nghị chủ đầu tư và cấp có thẩm quyền đưa ra khỏi danh mục thuốc

trong kế hoạch đấu thầu những thuốc có hàm lượng không phổ biến và thuốc phối hợp có giá cao.

Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh nghiêm túc thực hiện, báo cáo kết quả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam bằng văn bản và file điện tử theo địa chỉ e-mail: duocvtyt@vss.gov.vn; khth.duocvattu@gmail.com trước ngày 25/8/1013./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các bệnh viện, Viện có giường bệnh thuộc Bộ Y tế;
- Ban CSYT; Ban Chi, Ban Kiểm tra;
- Lưu: VT, DVT (3b).





**Phụ lục 1: DANH MỤC MỘT SỐ THUỐC CÙNG HOẠT CHẤT, KHÁC HÀM LƯỢNG CÓ GIÁ TRÚNG THẦU CHỀNH LỆCH LỚN**

Kiểm tra công văn số 488 /BHXH-DVT ngày 14 / 8 /2013 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Tên thuốc	SDK hoặc Số GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh/ Thành phố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(11)	(13)	(14)
1	Acetylcystein 200mg	200mg	Mysoven Granules 200mg	VN-14985-12	Greater Pharma Limited Partnership	Thái Lan	Hộp 60 gói x 3g	Gói	1.958	Công Ty Cổ Phần Y Dược Phẩm Vimedimex	Cần Thơ
	Acetylcystein 600mg	600mg	Fluidasa 600mg	VN-13761-11	Laboratorios Farminindustria S.A	Peru	Hộp 20 gói cốm pha dd uống	Gói	6.300	Công ty TNHH TM Dược Thuận Gia	Cần Thơ
2	Alpha chymotrypsin	4,2mg	Alphachymotrypsin	VD-7133-09	Mebiphar	Việt Nam	H/200 viên	Viên	336	CN Cty TNHH MTV DP TW2 Cần Thơ (CODUPHA)	Cần Thơ
	Alpha chymotrypsin	5mg	Alphachymotrypsin	VD-9603-09	TV.Pharm	Việt Nam	Hộp 5 vỉ* 10 viên	Viên	994	Công ty Cổ phần Dược Phú Mỹ	Cần Thơ
	Alpha chymotrypsin	6,3mg	Alphadeka DK		Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên nén	Viên	1.575	Liên danh công ty TNHH Dược phẩm Hạ Long- Công ty CP Dược phẩm Trường Thọ	Quảng Ninh
3	Arginin	1000mg/5ml	Fudhexa 1000mg	VD-11667-10	Công ty CP Dược Phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 20 lọ	lọ	2.100	Công ty TNHH TM Dược Phẩm Thiên Thế	Bình Thuận
	Arginin HCL	400mg	Fudophar	VD-11668-10	Cty CP DP Phương Đông - VN	Việt Nam	Hộp 24 ống uống 8ml	Ống	3.900	Thiên Thế	Bình Phước
	Arginin HCL	800mg/8ml	Fudophar 800mg	VD - 11669 - 10	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 12 ống x 8ml dung dịch uống	ống	4.400	Công ty TNHH Dược phẩm Liên Sơn	Bình Thuận
	Arginin HCL	200mg	Targinos 200	VD-10743-10, đợt 119	Cty LD DP Mebiphar-Austrapharm/Việt Nam	Việt Nam	Hộp 12 vỉ x 5 viên nang mềm, Uống	Viên	882		Lào Cai

nh

Slt	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Tên thuốc	SBK hoặc Số GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh/ Thành phố
	Arginin hydroclorid	Uống, 400mg	Targinos 400		LD Mebiphar-Austrapharm	Việt Nam	Viên nang mềm	Viên	2.478	CT TNHH DP Tân An	Sở Y tế TP Hải Phòng
4	Cefalexin	500mg	Midalexine 500	VD-7544-09	Minh Dân - VN		Viên nang cứng	Viên	788	Minh dân	Vĩnh Phúc
	Cefalexin	750mg	Cefatam 750		Công ty cổ phần Pymepharco	Viet Nam		Viên	3.100	CT CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	LONG AN
	Cefalexin	750mg	Cephalexin 750mg	VD-14337-11, đợt 126	CTCPDP Minh Dân- Việt Nam		Hộp 10 x 10 viên nang, uống	Viên	2.205		Lào Cai
	Cefalexin	350mg	Meceta	VD-16668-12	Merap/Việt Nam		Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nang, uống	Viên	1.500		Lào Cai
	Cefalexin	700 mg	Meceta	VD-16669-12	Merap/Việt Nam		Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nang, uống	Viên	2.600		Lào Cai
5	Cefoperazon + Sulbactam	500mg/500mg	Trikepezon Plus		Pharbaco - Việt Nam		Hộp 1 lọ bột pha tiêm + 1 ống nước cất 5ml, tiêm	lọ	23.000		Hưng yên
	Cefoperazone + Sulbactam	1,5g + 0,75g	Acebis 2.25g	VD-16366-12	Merap- Việt Nam		H1LQ+DMôi	Lọ	100.000	CTD Mạnh Tỷ	Quảng Trị
	Cefoperazone + Sulbactam	1G +1G	Midapezon 2g	VD-14344-11	Công ty Minh Dân - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 lọ bột pha tiêm	Lọ	75.000	Công ty TNHH Dược Phẩm An	Sóc Trăng
6	Cefotaxim	1g	Cefolife	VN-13294-11	Euro Life - Ấn Độ	Ấn Độ	11/1 lọ bột pha tiêm + DM	Lọ	10.080	CODUPHA (TW2)	Bình Phước
	Cefotaxim	Tiêm, lọ 2g	Arshavin 2g	VN-14855-12	Makcur Laboratories	Ấn Độ	Hộp 01 lọ kèm 01 ống nước cất pha tiêm; Tiêm	Lọ	42.000	Tenamyd	Quảng Ngãi
	Cefotaxime	1g	Cefotaxime 1g	VD-12299-10	Minh Dân - VN	Việt Nam	Bột pha tiêm	Lọ	9.923	Minh dân	Vĩnh Phúc
	Cefotaxim	1,5g	MEZICEF 1,5 1,5g		Cty CP tập đoàn Merap	Việt Nam		Lọ	35.000	Cty CPD Pha Nam	Bình Dương

nh

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Tên thuốc	SĐK hoặc Số GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh/Thành phố
	Cefotaxime	2g	BECRAZ	VD-16461-12	Công ty Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 10 lọ bột pha tiêm	Lọ	51.500	Công ty TNHH DP An	Cần Thơ
7	Ginkgo biloba	40mg	DOROCAN	VD-14842-11	DOMESCO	Việt Nam	H/3 vỉ x 10 viên nén bao phim	Viên	350	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Y Tế Domesco	Cần Thơ
	Ginkgo biloba	60mg	Ginkobilon	VD-13839-11	OPV	Việt Nam		Viên	2.524	Công ty TNHH MTV DP TW2	Đà Nẵng
	Ginkgo biloba	60mg	Glotalan 60	VD-6229-08	Glomed	Việt Nam	H/2 vỉ x 10 viên nén bao phim	Viên	1.090	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Glomed	Cần Thơ
	Ginkgo biloba	120mg	Koipy	VD-12662-10	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Hộp 100 viên nang mềm	Viên	2.990	CT CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	Cần Thơ
	Ginkgo biloba	40mg	Memloba		Medisun	Việt Nam	Viên nang mềm	viên	546	Công ty cổ phần Dược phẩm Sohaco Miền Bắc	Quảng Ninh
8	Levofloxacin*	500mg/100ml	AMFLOX	GPNK-16182/QLD-KD	Marck biosciences ltd	Ấn Độ	Hộp 1 chai	chai	66.500	LIÊN DANH: HOÀNG LONG - THẢO NGUYỄN	Hậu Giang
	Levofloxacin*	750mg/150ml	Getzlox 750mg IV	VN-9223-09	Getz Pharma	Pakistan	Hộp 1 lọ, dung dịch tiêm truyền	chai	230.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG DỨC	Hậu Giang
9	Piracetam	400mg	Codutropyl	VD-13934-11	Medipharco	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén, uống	Viên	279	Công ty TNHH MTV DP TW2	Sở Y tế Đắk Lắk
	Cinnarizin	25mg	Cinnarizin 25mg		Hà Tây	Việt Nam	Viên nén	Viên	55	Công ty TNHH Dược phẩm Bạch Đằng	Sở Y tế Quảng Ninh
	Piracetam + Cinnarizin	400mg + 25mg	Stufort cap	VD-14374-11	Phương Đông	Việt Nam		Viên	2.000	Công ty TNHH MTV DP TW2	Sở Y tế Đắk Lắk
	Piracetam + Cinnarizin	400mg + 25mg	Mezatam		Hà Tây	Việt Nam		Viên	1.400	Liên danh CTCP Dược Đại Nam + CTCP DT và PT Tây Âu	Sở Y tế Long An

Stt	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Tên thuốc	SĐK hoặc Số GPNK	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (có VAT)	Nhà thầu trúng thầu	Tỉnh/ Thành phố
10	Vitamin B1, B6, B12	125mg+ 125mg+ 125mcg	Vitamin B1, B6, B12	GC-0163-11	Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Hộp/ 10 vi x 10 viên	viên	178	An Thiên	Sở Y tế Tây Ninh
	Vitamin B1+B6+B12	125mg, 125mg, 125mcg	Vitamin B1, B6, B12	VD-16608-12	TV pharm	Việt Nam	V/10, H/100	viên	190	Công ty cổ phần dược phẩm TV pharm	Sở Y tế Hậu Giang
	Vitamin B1+B6+B12	125 mg + 125 mg + 50 mcg	Franvit 3B	VD-7771-09	Eloge France	Việt Nam	Hộp 10vi x 10viên nén bao phim	Viên	740	Lào Cai	Sở Y tế Lào Cai
	Vitamin B1+B6+B12	125mg + 125mg + 50mcg	Triobex	VD-9576-09	Trường Thọ	Việt Nam		Viên	1.000	Công ty TNHH MTV DP TW2	Sở Y tế Đắk Lắk

nh